

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Mã chứng khoán: KGM
- Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: (0297) 3863 491 Fax: (0297) 3862 309
- E-mail: info@kigimex.com.vn Website: <http://www.kigimex.com.vn>
- Người thực hiện CBTT: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01/04/2022 tại đường dẫn <http://www.kigimex.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Dương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

MSDN: 1700100989 ĐT: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

1. Thời gian: 13h30', ngày 22/04/2022 (Thứ Sáu).

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Số 85-87 đường Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.

3. Thành phần tham dự: Tất cả Cổ đông của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang và người đại diện Cổ đông ủy quyền hợp lệ theo quy định pháp luật, thời điểm chốt danh sách Cổ đông ngày 22/03/2022.

4. Tài liệu họp đại hội

Kính đề nghị Quý Cổ đông truy cập Website: www.kigimex.com.vn (mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 01/04/2022 và bản in gửi đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

5. Đăng ký dự họp

Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng đăng ký tham dự Đại hội tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang trước ngày 21/04/2022 qua điện thoại/ bưu điện/ Fax, Email. Trong trường hợp, Quý Cổ đông không trực tiếp tới dự họp có thể ủy quyền cho người đại diện theo mẫu ủy quyền của Công ty.

Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ: Phòng Tổ chức hành chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

- Địa chỉ: số 85-87 đường Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.

- Điện thoại: (0297) 3863 491 – Fax: (0297) 3862 309.

- Liên hệ: Ban Tổ chức đại hội Ông Trần Công Lý – di động: 0982 572 121 –

Email: info@kigimex.com.vn

Thông báo này thay cho thư mời họp. Các Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đến tham dự đại hội vui lòng mang theo CMND/CCCD hoặc hộ chiếu và bản gốc giấy ủy quyền để đăng ký tư cách Cổ đông tham dự (trường hợp người tham dự được ủy quyền bởi Cổ đông).

Trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bạch Ngọc Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN
Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Tên cổ đông (CĐ):.....
Người đại diện theo pháp luật (*chỉ áp dụng đối với CĐ là tổ chức*):.....
.....
CMND/CCCD/HC/CNĐKKD số:..... cấp ngày.....
tại.....
Địa chỉ:.....Điện thoại:.....
Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu:cổ phần.
(*Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp*)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY

Ông/Bà:
CMND/CCCD/HC số:..... cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ:.....Điện thoại:.....
Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Đánh dấu chọn</i>	<i>Số CP ủy quyền</i>
1	Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT		
2	Đoàn Huỳnh Dũng	Phó chủ tịch HĐQT		
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT		
4	Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT		
5	Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT		

(*Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên*)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang để thực hiện mọi

quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

Người nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của người ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền có chữ ký sống của hai bên, đối với nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu của tổ chức ủy quyền. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kết thúc.

....., Ngày tháng năm 2022

Cổ đông/Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Nếu người ủy quyền hoặc người nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;
4. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;
5. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022
6. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
7. Tờ trình kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022;
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;
9. Tờ trình về quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022;
10. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
11. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 (Bắt đầu lúc 13h30 ngày 22 tháng 4 năm 2022)

Thời gian	Nội dung
13h30' - 14h00'	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: <ul style="list-style-type: none">• Đón tiếp đại biểu và cổ đông;• Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội.
14h00' - 14h30'	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;• Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;• Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định Ban thư ký;• Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết;• Thông qua Quy chế làm việc;• Thông qua chương trình Đại hội.
14h30' - 15h00'	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;• Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;• Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022.
15h00' - 15h30'	Các tờ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;• Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022;• Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;• Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022;• Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
15h30' - 15h45'	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.
15h45' - 16h15'	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết.

16h15' - 16h45'	<ul style="list-style-type: none">• Ban Kiểm Phiếu công bố kết quả biểu quyết;• Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ;• Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
16h45' - 17h00'	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: /QC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- | | |
|------------------|---|
| - Công ty | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang |
| - HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - BKS | Ban Kiểm soát |
| - Kiểm soát viên | Thành viên Ban Kiểm soát |
| - BTC | Ban tổ chức Đại hội |
| - ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |

- Đại biểu Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 19 Điều lệ công ty)

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày **22/3/2022** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân,... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm 04 người, bao gồm 04 Thành viên được đại hội biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa đại hội. Đoàn chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc đột ngột vắng mặt trong lúc Đại hội đang diễn ra quá 30 phút thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:

+ Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

+ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký đại hội gồm 02 thành viên, được đại hội biểu quyết thông qua và chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

+ Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4.7 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tọa, ĐHĐCĐ về

nhiệm vụ của mình..

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:

+ Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

+ Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp theo quy định của điều 141 Luật Doanh nghiệp, đại diện đủ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.8 Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên được đại hội biểu quyết thông qua.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

+ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

+ Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

+ Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký.

+ Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp và đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thành phần Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết Tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 22/3/2022) tổng số cổ phần của Công ty là: 25.430.000 cổ phần tương đương với 25.430.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số Phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

- Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điều b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ có thể được đọc và phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

- + Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh/phòng ngừa dịch bệnh khác;

- + Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh/phòng ngừa dịch bệnh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 50 /BC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình đại dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, mức độ lây nhiễm nhanh và lan rộng. Việc thực hiện các biện pháp bắt buộc như giãn cách xã hội, cách ly, phong tỏa,... để phòng chống dịch đã làm đứt gãy các chuỗi liên kết thương mại, giá lúa gạo trong và ngoài nước biến động không như dự đoán thường lệ, đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các hợp đồng thương mại đã ký, nhiều đơn hàng bị gia hạn hoặc bị hủy, hàng đã đưa lên cảng phải chuyển về nhập kho do thủy thủ đoàn bị nhiễm bệnh,... phát sinh chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp ở cả ba ngành hàng.

Về tình hình sản xuất trong nước tình trạng thiếu hụt công nhân trong khâu thu gom lúa, nhập lúa gạo tại các nhà máy sấy, xay xát, lau bóng và khâu đóng gói xếp hàng ảnh hưởng lớn đến tiến độ giao hàng của toàn Công ty.

Giá cước vận chuyển nội địa tăng trên 30% các phương tiện từ chối nhận chuyển hàng lên cảng do lo ngại nhiễm bệnh, cước cont và cước tàu biển tăng 2-3 lần giảm sức cạnh tranh và khó chào bán xuất khẩu lượng mới.

Về công tác đầu tư, hợp lý hóa sản xuất bị ảnh hưởng: Giá thiết bị tăng do ảnh hưởng đến việc nhập khẩu, thông quan, các chi phí vận chuyển tăng cao; giá sắt, thép, vật liệu xây dựng và nhân công khan hiếm, tăng phi mã.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện đạt, vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2021 như sau:

1.1. Ngành Lương thực:

- Mua vào: 340.385 tấn (quy gạo), vượt 23,78% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và tăng 14,22% so cùng kỳ.

- Bán ra: 348.571 tấn, vượt 26,75% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và tăng 23,09% so cùng kỳ.

1.2. Ngành Cá cơm:

- Mua vào: 1.141 tấn (quy tươi), đạt 95,08% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 65,95% so cùng kỳ.

- Bán ra: 319 tấn thành phẩm đạt 108,50% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 76,87% so cùng kỳ.

1.3. Ngành Xăng dầu:

- Mua vào: 19,21 triệu lít, đạt 83,52% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 84,44% so cùng kỳ.

- Bán ra: 19,101 triệu lít, đạt 83,05% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 88,79% so cùng kỳ.

1.4. Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách

- Doanh thu: 4.625 tỷ đồng, vượt 35,04% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và tăng 29,08% so cùng kỳ.

- Lợi nhuận: Công ty lãi 17,805 tỷ đồng, đạt 100,03% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 68,08% so với cùng kỳ.

- Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách: Công ty thực hiện đúng quy định của nhà nước trong việc nộp ngân sách, tổng tiền thuế đã nộp năm 2021 là 5,528 tỷ đồng.

2. Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2021

2.1. Hạn mục đầu tư đã thực hiện trong năm 2021

Kế hoạch đầu tư năm 2021 được duyệt là 13,980 tỷ đồng tỷ đồng (*theo Nghị Quyết số 50/NQ-XNK-ĐHĐCĐ, ngày 29/04/2021 về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP XNK Kiên Giang*), gồm: (1) Đầu tư 01 máy tách màu công suất 10-14 tấn/h, hệ thống phụ trợ, hệ thống cân đóng túi 1-5kg tại XN Vĩnh Thắng; (2) Đầu tư hệ thống cân lúa khô đầu vào và cân lúa khô xuống mẻ, hệ thống PCCC khu vực lò sấy tại XN Sơn Thuận; (3) Đầu tư hệ thống băng tải nhập bến kho 1,2,6 tại XN An Hòa; (4) Đầu tư kho lạnh 100 tấn, đầu tư lò luộc cá Inox trên tàu thu mua, đầu tư giàn phơi + vĩ phơi, nhà chờ nhà chứa vĩ phơi, đóng trần nhà xưởng sản xuất tại XN Cá cơm Hòn Chông; (5) Đầu tư mới phòng thu mua + KCS tại XN Thanh Hưng.

Kết quả đến 31/12/2021 đã thực hiện 14/18 hạng mục với giá trị 6,882 tỷ đồng, đạt 49,23% kế hoạch.

2.2. Các hạn mục chưa thực hiện

- Hạn mục chưa thực hiện và chuyển sang năm 2022: (1) Đầu tư tàu thu mua cá cơm (tàu đã qua sử dụng) tại Xí nghiệp chế biến cá cơm Hòn Chông; (2) Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên, Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu An Bình.

- Hạn mục không thực hiện, gồm: (1) Bán mái khu vực xuất hàng và Hệ thống

thùng chứa gạo thành phẩm 90/ thùng (6 thùng) tại Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu Sơn Thuận.

- Nguyên nhân:

+ Giá thiết bị tăng cao do bị ảnh hưởng đến việc nhập khẩu thông quan, các chi phí, vận chuyển điều tăng cao.

+ Sắt, thép, Cát, Đá... và Nhân công khan hiếm, tăng giá phi mã.

+ Việc đi lại không thực hiện được nên ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế, vận chuyển lắp đặt thi công các hạng mục tại các Xí nghiệp

3. Về hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị

Từng thành viên trong Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ theo Điều lệ của công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của Hội đồng quản trị; tham gia đóng góp vào chiến lược kế hoạch kinh doanh toàn công ty, thực hiện giao nhiệm vụ và các nguồn lực cần thiết để Ban điều hành triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm với quyết định của mình; thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của toàn công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức (13 cuộc) họp định kỳ, đột xuất và chuyên đề để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để định hướng chỉ đạo đảm bảo tình hình hoạt động của công ty theo đúng Điều lệ, quy chế của công ty.

5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 26 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, huy động vốn, đầu tư, lựa chọn đơn vị kiểm toán, tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ Công ty.

6. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị công ty đã giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021 đảm bảo theo đúng nghị quyết được giao. Trong quá trình lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế quản lý nội bộ, nghị quyết của HĐQT.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc cũng đã khẩn trương, nghiêm túc xây dựng, triển khai nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ đến thành viên ban Tổng giám đốc, chỉ đạo các phòng, xí nghiệp, có báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền được giao với Hội đồng quản trị. Các chỉ đạo của Hội đồng quản trị luôn được ban Tổng giám đốc và các đơn vị xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tập trung, chú trọng thực hiện.

Trong điều kiện kinh doanh có rất nhiều khó khăn trong năm 2021 đặc biệt là tình hình diễn biến của dịch Covid-19 trong quý 3&4 các địa phương thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng ban điều hành đã cố gắng, vượt qua khó khăn, dự báo tình hình tốt nên kết quả kinh doanh năm 2021 đạt kế hoạch được giao.

Việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với ban Tổng giám đốc đều đúng thẩm quyền, trách nhiệm, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của ban Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động SXKD của Công ty và các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD, hạn chế thấp nhất những rủi ro phát sinh.

7. Báo cáo chi phí, tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty

Tổng số tiền lương, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký năm 2021 là 1.224 triệu đồng, trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (*không có thù lao*). Tổng tiền là 744 triệu đồng, chi theo mức lương theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

- Tổng số tiền thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký trong năm 2021 đã chi: 480 triệu đồng bằng 100% mức thù lao kế hoạch thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trong đó:

+ Các thành viên Hội đồng quản trị (04 người): 336 triệu đồng/người/năm.

+ Các Thành viên Ban kiểm soát (02 người): 96 triệu đồng/người/năm.

+ Thư ký (01 người): 48 triệu đồng/người/năm

Thành viên HĐQT, BKS trong năm 2021 có sự thay đổi cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT		Ghi chú
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1.	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	27/6/2016		Tái cử
2.	Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên HĐQT không điều hành	27/6/2016		Tái cử
3.	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	27/6/2016		Tái cử

4.	Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	27/6/2016		Tái cử
5.	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	29/4/2021		Cử mới
6.	Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT không điều hành	26/4/2019	29/4/2021	Xin thôi giữ chức vụ

Lý do thay đổi: Ông Đỗ Ngọc Khanh, thành viên HĐQT nhiệm kỳ I (2016 – 2021) xin thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT do khoảng cách địa lý xa Công ty (hiện đang sống và làm việc tại Tp. Hà Nội).

- Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS		Ghi chú
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1.	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban chuyên trách	27/6/2016		Tái cử
2.	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên kiêm nhiệm	27/6/2016	29/4/2021	Xin thôi giữ chức vụ
3.	Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên kiêm nhiệm	27/6/2016	29/4/2021	Xin thôi giữ chức vụ
4.	Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên kiêm nhiệm	29/4/2021		Cử mới
5.	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên kiêm nhiệm	29/4/2021		Cử mới

Lý do thay đổi: Ông Nguyễn Thanh Sơn và bà Nguyễn Thị Phương, thành viên BKS nhiệm kỳ I (2016 – 2021) xin thôi giữ chức vụ thành viên BKS vì lý do công việc cá nhân.

8. Báo cáo về các giao dịch với cá nhân, tổ chức có liên quan

Trong năm 2021 Công ty đã ký hợp đồng mua hàng hóa với Tổng công ty lương thực Miền Nam – CTCP với tổng giá trị là 16,27 tỷ đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

- 1.1. Lương thực
 - Mua vào (quy gạo) : 250.000 tấn
 - Bán ra : 250.000 tấn
- 1.2. Cá cơm
 - Mua vào (quy tươi) : 1.120 tấn
 - Bán ra : 280 tấn
- 1.3. Xăng dầu
 - Mua vào : 20 triệu lít
 - Bán ra : 20 triệu lít
- 1.4. Doanh thu : 3.450 tỷ đồng
- 1.5. Lợi nhuận : 10,9 tỷ đồng
- 1.6. Nộp NSNN : Theo quy định

2. Kế hoạch đầu tư, mua sắm

Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2022 là 14,770 tỷ đồng, trong đó: (i) Vốn vay 9,954 tỷ đồng, (ii) Vốn Công ty và Quỹ đầu tư phát triển 4,816 tỷ đồng. (Đính kèm phụ lục: Danh mục kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2022).

3. Định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2022

Năm 2022 với phương châm hành động **“Đoàn kết – Dân chủ - Kỹ cương – Chất lượng - Hiệu quả”**, trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng năm 2022, Công ty đạt mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Theo đó, Công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 như sau:

Tổ chức triển khai đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tuân thủ việc báo cáo, xin ý kiến Công ty mẹ về các nội dung thuộc thẩm quyền công ty mẹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy định của Công ty mẹ.

Tuân thủ Điều lệ công ty, quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật Nhà nước trong tổ chức lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong mua, bán hàng hóa xuất nhập khẩu. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của các nhà đầu tư. Đặc biệt là phần vốn góp của Tổng công ty lương thực Miền Nam-CTCP đầu tư tại công ty với tỷ lệ 83,31% vốn điều lệ.

Tổ chức thực hiện đúng và đầy đủ các quy định hiện hành về công tác quản lý tài chính, kế toán trong toàn Công ty, đặc biệt là các chỉ số tài chính để kịp thời cảnh báo và đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Công ty.

Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, thường xuyên kiểm tra, phòng ngừa, hạn chế rủi ro.

Thường xuyên chỉ đạo ban điều hành rà soát lại các quy chế quản lý nội bộ để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

Nghiên cứu xây dựng mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chỉ đạo, chủ trương của Công ty mẹ để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý Cổ đông;
- Lưu VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 03 /BC-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2021;

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần XNK Kiên Giang về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS năm 2022 với các nội dung sau:

I. Tình hình hoạt động chung của Ban Kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát gồm có 3 người do đại hội đồng cổ đông bầu, trong năm có sự thay đổi thành viên Ban kiểm soát cụ thể:

- Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (tái cử nhiệm kỳ mới);

- Ông Nguyễn Trường Giang – thành viên BKS kiêm nhiệm (cử mới);

- Bà Vũ Thị Minh Hiền – thành viên BKS kiêm nhiệm (cử mới).

Ông Nguyễn Thanh Sơn và Bà Nguyễn Thi Phượng xin thôi giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát vì công việc cá nhân.

2. Các hoạt động Ban kiểm soát đã thực hiện

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Thực hiện việc giám sát hoạt động và tuân thủ pháp luật theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý điều hành công ty;

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, kiểm tra sổ sách báo cáo kế toán của công ty theo định kỳ quý /6 tháng/ năm...

3. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ. Các thành viên BKS kiêm nhiệm được hưởng thù lao, tổng thù lao năm trong hạn mức đã được phê duyệt là 4.000.000 đồng/người/tháng.

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là chi cho các khoản công tác phí đi lại kiểm tra tại các đơn vị định kỳ, được Công ty thanh toán đúng theo quy định pháp luật.

4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, họp định kỳ hàng quý, các thành viên tham gia trao đổi và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp. Các cuộc họp của Ban kiểm soát thảo luận về các vấn đề liên quan đến kế hoạch công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá các mặt làm được và chưa làm được tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc, trong các cuộc họp cả 3 thành viên cùng thống nhất với các kết quả kiểm tra và kiến nghị đã được nêu tại các báo cáo kiểm tra.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty

1. Thẩm định báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần XNK Kiên Giang thông qua việc giám sát, kết hợp trao đổi thường xuyên với các phòng ban Công ty. Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo định kỳ đúng quy định.

- Ý kiến thẩm định: Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Chi nhánh Công ty TNHH hăng Kiểm toán AASC về báo cáo tài chính của Công ty năm 2021. Báo cáo được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt nam và các qui định của pháp luật hiện hành.

- Báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2021, Vốn điều lệ của Công ty là 254.300.000.000 đồng chia làm 25.430.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:

TT	Cổ đông	Số tiền vốn góp (tr. đồng)	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	211.848,00	21.184.800	83,31%
2	Ông Phan Hùng Minh	25.430,00	2.543.000	10,00%
3	Cổ đông khác	17.022,00	1.702.200	6,69%
	Tổng cộng	254.300,00	25.430.000	100,00%

2. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2021 về kết quả kinh doanh

2.1. Kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	Thực hiện năm 2021	% so KH năm	% so cùng kỳ
I	Mua vào					
1	Lương thực (quy gạo)	tấn	275.000	340.385	123,78%	114,22%
2	Cá Cơm (quy tươi)	tấn	1.200	1.141	95,04%	65,92%
3	Xăng, dầu nhớt các loại	triệu lít	23,000	19,210	83,52%	84,43%
II	Bán ra					
1	Lương thực (quy gạo)	tấn	275.000	348.571	126,75%	127,25%
2	Cá Cơm	tấn	294	319	108,63%	76,86%
3	Xăng, dầu nhớt các loại	triệu lít	23,000	19,101	83,05%	88,79%
III	Doanh thu	Tỷ đồng	3.425	4.625	135,05%	130,14%
IV	Kim ngạch XK	Tr usd	117,42	148,37	126,36%	130,02%
V	Nộp ngân sách (đã nộp)	Tỷ đồng		5,528		81,16%
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	17,80	17,81	100,03%	69,10%

- Kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

+ Ngành hàng lương thực	12.532.324.454 đồng
+ Ngành hàng Cá Cơm	1.203.905.053 đồng
+ Ngành hàng xăng dầu	4.069.559.333 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	17.805.788.840 đồng
- Thuế TNDN hiện hành	3.978.470.021 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	13.827.318.819 đồng
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp CSH : 5,44%	

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,24	2,39
2. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,28	0,60
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,08	1,09
3. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%)	0,73	0,38
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu (%)	0,66	0,30
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Vốn góp chủ sở hữu (%)	10,28	7,00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp chủ sở hữu (%)	9,36	5,44
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	936	544

Qua phân tích kết quả kinh doanh năm 2021 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do:

- Công ty được sự quan tâm hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần và Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty thực hiện tốt công tác dự báo thời vụ thu hoạch rộ, giá thấp để có kế hoạch mua vào bán ra hợp lý đặt biệt trong vụ Đông Xuân 2021.

- Xây dựng thực hiện tốt công tác đánh giá nhà cung ứng duy trì và mở rộng thêm nhà cung ứng, cung cấp mới có tiềm năng và uy tín trên thị trường.

- Công ty có bước chuẩn bị tốt và thích ứng với những biến động và thay đổi của thị trường, đặc biệt là xuất khẩu gạo chất lượng cao.

- Công ty có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.

- Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty có được sự quyết tâm đoàn kết của tập thể Ban Lãnh đạo và CB.NV trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

2.2. Về hoạt động đầu tư năm 2021

- Kế hoạch đầu tư năm 2021 được duyệt là 13,980 tỷ đồng tỷ đồng (theo Nghị Quyết số 50/NQ-XNK-ĐHĐCĐ, ngày 29/04/2021 về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP XNK Kiên Giang), gồm: (1) Đầu tư 01 máy tách màu công suất 10-14 tấn/h, hệ thống phụ trợ, hệ thống cân đóng túi 1-5kg tại XN Vĩnh Thắng; (2) Đầu tư hệ thống cân lúa khô đầu vào và cân lúa khô xuống mẻ, hệ thống PCCC khu vực lò sấy tại XN Sơn Thuận; (3) Đầu tư hệ thống băng tải nhập bến kho 1,2,6 tại XN An Hòa; (4) Đầu tư kho lạnh 100 tấn, đầu tư lò luộc cá Inox trên tàu thu mua, đầu tư giàn phơi + vĩ phơi, nhà chờ nhà chứa vĩ phơi, đóng trần nhà xưởng sản xuất tại XN Cá cơm Hòn Chông; (5) Đầu tư mới phòng thu mua + KCS tại XN Thanh Hưng.

- Kết quả đến 31/12/2021 đã thực hiện 14/18 hạng mục với giá trị 6,882 tỷ đồng, đạt 49,23% kế hoạch.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã triển khai nghiêm túc các kế hoạch đầu tư theo đúng định hướng phát triển của công ty.

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Về nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Công ty đã thực hiện với kết quả như sau:

- Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC;

- Công ty đã thực hiện trích thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hoàn thành và vượt kế hoạch chỉ tiêu mua vào bán ra, lợi nhuận ;

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra theo NQ Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 cụ thể như sau:
- + Chi cổ tức: 21.106.900.000 đồng
- + Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.628.872.027 đồng
- + Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 1.254.514.317 đồng

IV. Đánh giá về các giao dịch mua , bán với các bên có liên quan với công ty

Trong năm 2021 Công ty có quan hệ mua bán với các đơn vị có liên quan cụ thể:

- Tổng Công ty lương thực Miền Nam-Công ty Cổ phần;
- Công ty Lương thực Trà Vinh;

Về các giao dịch nêu trên được Công ty ký kết hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

V. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2021 đều thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty cụ thể:

- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
- Họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất xem xét, đánh giá tình hình SXKD từng tháng, quý và đề ra các giải pháp, phương hướng cho quý tiếp theo;
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- Giữa HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai đúng quy định.

VI. Đánh giá công tác điều hành của ban TGD

Ban TGD đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty. Năm 2021 với sự nỗ lực và quyết tâm cao của Ban điều hành và tập thể người lao động đã hoàn thành suất sắc kế hoạch SXKD của Công ty, đây cũng là kết quả rất đáng trân trọng.

VII. Một số đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng và thực hiện mục tiêu chiến lược kinh doanh trong năm 2022. Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các qui định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại Công ty;
- Tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng đầu vào, đầu ra của công ty nhằm giảm tối đa giá thành sản xuất, tăng cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành;

- Có chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống song song với mở rộng mạng lưới khách hàng mới, tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh;
- Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường của 3 ngành hàng để có kế hoạch mua vào, bán ra phù hợp;
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng hàng tồn kho, công tác thu hồi công nợ, tiết giảm tối đa chi phí đặc biệt là chi phí lãi vay ngân hàng, tăng lợi nhuận cho Công ty.

VIII. Kế hoạch kiểm tra giám sát, và thù lao chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

1. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
2. Giám sát việc chấp hành điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, quy định, quy chế công ty;
3. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm của công ty;
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư trong năm 2022;
5. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, quyết toán quỹ tiền lương, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí;
6. Kiểm tra tính tuân thủ, tình hình quản lý tài chính trong các hoạt động kinh doanh;
7. Lập các báo cáo giám sát định kỳ theo quy định.
8. Dự kiến chi phí hoạt động và thù lao BKS
 - Dự kiến chi phí hoạt động năm 2022: Chi cho các đợt đi kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc khoảng 100 triệu/ năm.
 - Thù lao BKS thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)

Trần Thị Mai Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 580 /BC-XNK-KHKD

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và phương hướng nhiệm vụ, như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thuận lợi

- Công ty tiếp tục được sự quan tâm hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần và Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty thực hiện tốt công tác dự báo thời vụ thu hoạch rộ, giá thấp để có kế hoạch mua vào bán ra hợp lý đặt biệt trong vụ Đông Xuân 2021.

- Xây dựng thực hiện tốt công tác đánh giá nhà cung ứng duy trì và mở rộng thêm nhà cung ứng, cung cấp mới có tiềm năng và uy tín trên thị trường.

- Công ty có bước chuẩn bị tốt và thích ứng với những biến động và thay đổi của thị trường, đặc biệt là xuất khẩu gạo chất lượng cao.

- Công ty có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.

- Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty có được sự quyết tâm đoàn kết của tập thể Ban Lãnh đạo và CB.CNV trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn

- Tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu, mức độ lây nhiễm nhanh và lan rộng. Việc thực hiện các biện pháp bắt buộc như giãn cách xã hội, cách ly, phong tỏa... để phòng chống dịch đã làm đứt gãy các chuỗi liên kết thương mại, giá lúa gạo trong và ngoài nước biến động không như dự đoán thường lệ, đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các hợp đồng thương mại đã ký, nhiều đơn hàng bị gia hạn hoặc bị hủy, hàng đã đưa lên cảng phải chuyển về nhập

kho do thủy thủ đoàn bị nhiễm bệnh,...phát sinh chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp ở cả ba ngành hàng.

- Về tình hình sản xuất trong nước tình trạng thiếu hụt công nhân trong khâu thu gom lúa, nhập lúa gạo tại các nhà máy sấy, xay xát, lau bóng và khâu đóng gói xếp hàng ảnh hưởng lớn đến tiến độ giao hàng của toàn Công ty.

- Giá cước vận chuyển nội địa tăng trên 30% các phương tiện từ chối nhận chuyển hàng lên cảng do lo ngại nhiễm bệnh, cước cont và cước tàu biển tăng 2-3 lần giảm sức cạnh tranh và khó chào bán xuất khẩu lượng mới.

- Về công tác đầu tư, hợp lý hóa sản xuất bị ảnh hưởng: Giá thiết bị tăng do ảnh hưởng đến việc nhập khẩu, thông quan, các chi phí vận chuyển tăng cao; giá sắt, thép, vật liệu xây dựng và nhân công khan hiếm, tăng phi mã.

Tóm lại tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 có khó khăn và thuận lợi đan xen giữa các ngành hàng. Đặc biệt là ngành gạo - ngành hàng chủ lực của Công ty - nhiều đơn hàng bị giãn hoặc hủy, do đó ảnh hưởng rất lớn dòng tiền trả nợ các khoản vay đến hạn cho những tháng cuối năm.

Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm hỗ trợ sâu sát của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần; sự ủng hộ của các ngân hàng thương mại trong việc cung ứng vốn vay kịp thời đáp ứng nhu cầu; sự đồng hành các khách hàng truyền thống và quyết tâm đoàn kết của tập thể Ban Lãnh đạo và CB.NV, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh ứng phó với những biến động khó khăn trên: tăng cường công tác dự báo, dự đoán về thông tin thị trường, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu hoạch, chuyển đổi cơ cấu nhập mua gạo trắng thay cho gạo nguyên liệu chế biến như những năm trước... tổ chức triển khai tốt kế hoạch SXKD năm 2021 với kết quả đạt được, như sau:

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021

1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

DVT: tấn; triệu lít; tỷ đồng; triệu USD.

T T	Diễn giải	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh %		Phụ ghi
				Kế hoạch	Cùng kỳ	
1	Mua vào					
a	Lúa, gạo (quy gạo)	275.000	340.385	123,78	114,22	
b	Cá cơm (quy tươi)	1.200	1.141	95,08	65,95	
c	Xăng dầu	23,000	19,210	83,52	84,43	
2	Bán ra					
a	Lúa, gạo (quy gạo)	275.000	348.571	126,75	123,09	
b	Cá cơm (thành phẩm)	294	319	108,50	76,86	
c	Xăng dầu	23,000	19,101	83,05	88,79	
3	Kim ngạch xuất khẩu	117,42	148,37	126,36	130,02	

4	Doanh thu	3.425	4.625	135,04	129,08	
5	Lợi nhuận trước thuế	17,800	17,805	100,03	68,08	
6	Nộp ngân sách	Theo quy định				

2. Thuyết minh:

* Sản lượng mua vào, bán ra 03 ngành hàng

2.1. Lúa, gạo (quy gạo)

- Mua vào 340.385 tấn, vượt 23,78% kế hoạch, tăng 14,22% cùng kỳ.

- Bán ra 348.571 tấn, vượt 26,75% kế hoạch, tăng 23,09% cùng kỳ

2.2. Cá cơm

- Mua vào 1.141 tấn, đạt 95,08% kế hoạch, bằng 65,92% cùng kỳ.

- Bán ra 319 tấn, vượt 8,50% kế hoạch, bằng 76,86% cùng kỳ.

2.3. Xăng dầu

- Mua vào 19,210 triệu lít, đạt 83,52% kế hoạch, bằng 84,44% cùng kỳ.

- Bán ra 19,101 triệu lít, đạt 83,05% kế hoạch, bằng 88,79% cùng kỳ.

2.4. Kim ngạch xuất khẩu đạt 148,37 triệu USD, vượt 26,36% kế hoạch, tăng 30,02% cùng kỳ.

2.5. Doanh thu đạt 4.625 tỷ đồng, vượt 35,04% kế hoạch, tăng 29,08% cùng kỳ.

2.6. Lợi nhuận trước thuế đạt 17,805 tỷ đồng, đạt 100,03% kế hoạch, bằng 68,08% cùng kỳ.

2.7. Nộp ngân sách nhà nước đúng quy định.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2021

1. Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

- Công ty đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch SXKD đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Thực hiện tốt công tác nắm bắt thông tin thời vụ, thị trường, ngư trường, xu hướng giá và nhu cầu khách hàng; Kiểm tra giám sát tốt trong hoạt động mua bán hàng hóa để phòng tránh rủi ro. Tổ chức thực hiện việc mua bán hàng hóa đúng Điều lệ, quy chế, quy định, quy trình hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

- Tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá nhà cung ứng.

- Thực hiện tốt công tác bí mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Về quản lý sản xuất chế biến lương thực

- Công ty luôn bám sát thị trường, mở rộng thêm quan hệ với hàng xáo, đẩy mạnh mua vào bán ra đạt kế hoạch sản lượng và định phí.

- Trong sản xuất chế biến luôn đảm bảo theo đúng quy chế quản lý sản xuất chế biến lương thực của Công ty, trong mua bán luôn đặt biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa.

- Xây dựng kế hoạch mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên: (i) Giá nguyên liệu đầu vào thấp; (ii) Tiết kiệm chi phí trong sản xuất; (iii) Tăng tỷ lệ thu hồi; (iv) Chất lượng đầu vào đảm bảo.

3. Về quản lý sản xuất chế biến cá com

- Luôn nắm sát thông tin về ngư trường từng thời điểm, chủ động điều tàu thu mua khi có cá, cân đối hàng hóa tồn kho, hạn chế thu mua cá lẫn tạp làm tăng giá thành; Tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, có biện pháp hỗ trợ khi cần thiết.

- Thường xuyên nắm thông tin thị trường, tăng cường trao đổi với khách hàng để nắm bắt nhu cầu tiêu thụ cá com.

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn ATVSTP để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Thực hiện giám sát tỷ lệ hao hụt trong sản xuất chế biến cá com.

4. Về kinh doanh xăng dầu

- Thực hiện mua bán xăng dầu đúng theo quy chế mua, bán hàng hoá dịch vụ Công ty ban hành và văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.

- Luôn theo dõi sát diễn biến thị trường xăng dầu thế giới thông qua các kênh thông tin truyền thông cũng như trao đổi với khách hàng. Giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối, nắm bắt thông tin về mức hoa hồng và chiết khấu, chính sách bán hàng trong từng thời điểm của doanh nghiệp. Chủ động nguồn hàng kịp thời, theo dõi thường xuyên diễn biến giá cả thị trường trong nước và quốc tế, bám sát chủ trương giá của Nhà nước, giữ được khách hàng ổn định cùng với tìm kiếm thêm khách hàng tiêu thụ. Trong giao dịch mua bán đánh giá chính xác khách hàng, lựa chọn khách hàng thực sự uy tín, an toàn.

5. Về công tác quản lý tài chính kế toán

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, đảm bảo có đủ nguồn vốn ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên kiểm soát chi phí và các chỉ tiêu tài chính theo đúng quy định.

6. Về công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

- Công ty triển khai đúng với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt.

- Ưu tiên đầu tư các hạng mục, dự án cấp thiết, đảm bảo tiết kiệm, đúng nhu cầu và mang lại hiệu quả.

- Thực hiện đầu tư đúng trình tự và quy định của pháp luật về đầu tư.

7. Về công tác tổ chức

- Tăng cường công tác đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong hoạt động SXKD.

- Sắp xếp bộ máy tổ chức, tinh gọn để tăng năng suất và thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ đáp ứng đủ nguồn lực cho Công ty.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những việc đã làm được

- Công tác dự báo thông tin giá cả thị trường, nhu cầu khách hàng được thực hiện tốt và thường xuyên, ngày càng nâng cao tính chính xác đã giúp cho công tác mua vào, bán ra các ngành hàng đạt hiệu quả.

- Sản lượng mua vào, bán ra, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận 03 ngành hàng đạt khá so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021, một số chỉ tiêu vượt so cùng kỳ.

- Duy trì và mở rộng được khách hàng, thị trường, đặc biệt mặt hàng gạo thơm tiếp tục đạt sản lượng mua bán cao.

- Công ty tiếp tục duy trì được mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại, đặc biệt là sự hỗ trợ của cổ đông lớn Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập trung quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất, giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí bán hàng, mục tiêu chi phí cạnh tranh, hiệu quả, lựa chọn nhà cung cấp đủ năng lực với chi phí tối ưu,...

- Phát triển các sản phẩm mới như gạo thơm Xencoop, gạo Japonica, cá cơm lá chanh,...

2. Những mặt chưa làm được

- Ngành lương thực công tác nghiên cứu phát triển thị trường chưa đạt yêu cầu.

- Giá thành sản phẩm, chất lượng chưa cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

- Cơ chế lương chưa thu hút được nguồn lao động có trình độ và tay nghề cao.

- Ngành xăng dầu công tác xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối còn chậm.

V. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

1. Mục tiêu chung

Công ty kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững và ổn định, trong đó:

- Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh gọn.

- Đảm bảo nguồn vốn đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh 3 ngành hàng: Lúa gạo, cá cơm và xăng dầu.

2. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu

2.1. Mua vào

- Lúa, gạo (quy gạo) : 250.000 tấn
- Cá cơm (quy tươi) : 1.120 tấn
- Xăng dầu : 20 triệu lít

2.2. Bán ra

- Lúa, gạo (quy gạo) : 250.000 tấn
- Cá cơm : 280 tấn
- Xăng dầu : 20 triệu lít

2.3. Doanh thu : 3.450 tỷ đồng

2.4. Lợi nhuận : 10,9 tỷ đồng (*không tính thu nhập bán tài sản*)

2.5. Nộp ngân sách : Theo quy định.

3. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

3.1. Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục nắm bắt tốt thông tin thời vụ, thị trường, ngư trường, xu hướng giá và nhu cầu khách hàng; Kiểm tra giám sát tốt trong hoạt động mua bán hàng hóa để phòng tránh rủi ro. Tổ chức thực hiện việc mua bán hàng hóa đảm bảo đúng Điều lệ, quy chế, quy định, quy trình hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

- Tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời cần thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá nhà cung ứng.

- Thực hiện tốt công tác bí mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Về công tác quản lý sản xuất chế biến, kinh doanh

a. Lương thực

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, trên cơ sở rà soát lại quy trình sản xuất chế biến, sắp xếp lưu kho, bảo quản hàng hóa, rà soát lại chi phí quản lý, chi phí bán hàng và các khoản chi phí khác, nhằm tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh.

- Phải luôn bám sát thị trường, mở rộng thêm quan hệ với hàng xóm, đẩy mạnh mua vào bán ra đạt kế hoạch sản lượng và định phí. Trong thu mua cần ưu tiên mua lúa, gạo xô để khai thác công suất máy móc thiết bị cũng như tăng thêm thu hồi định phí trong sản xuất chế biến.

- Trong kinh doanh, sản xuất chế biến phải đảm bảo theo đúng quy chế quản lý sản xuất chế biến lương thực của Công ty, đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa trong kho.

- Xây dựng kế hoạch mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên: (i) Giá nguyên liệu đầu vào thấp; (ii) Tiết kiệm chi phí trong sản xuất; (iii) Tăng tỷ lệ thu hồi; (iv) Chất lượng đầu vào đảm bảo.

b. Cá cơm

- Nắm sát thông tin về ngư trường từng thời điểm, chủ động điều tàu thu mua khi có cá, cân đối hàng hóa tồn kho, hạn chế thu mua cá lẫn tạp làm tăng giá thành; Tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, có biện pháp hỗ trợ khi cần thiết.

- Thường xuyên nắm thông tin thị trường, tăng cường trao đổi với khách hàng để nắm bắt nhu cầu tiêu thụ cá cơm.

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn ATVSTP để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Thực hiện giám sát tỷ lệ hao hụt trong sản xuất chế biến cá cơm.

c. Xăng dầu

- Thực hiện mua bán xăng dầu đúng theo quy chế mua, bán hàng hoá dịch vụ của Công ty ban hành và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần.

- Theo dõi sát diễn biến thị trường xăng dầu thế giới thông qua các kênh thông tin truyền thống cũng như trao đổi với khách hàng. Giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối, nắm bắt thông tin về mức hoa hồng và chiết khấu, chính sách bán hàng trong từng thời điểm của doanh nghiệp. Chủ động nguồn hàng kịp thời, theo dõi thường xuyên diễn biến giá cả thị trường trong nước và quốc tế, bám sát chủ trương giá của Nhà nước, giữ được khách hàng ổn định cùng với tìm kiếm thêm khách hàng tiêu thụ. Trong giao dịch mua bán, cần phải đánh giá chính xác khách hàng, lựa chọn khách hàng thực sự uy tín, an toàn.

3.3. Về công tác quản lý tài chính kế toán

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nước và quốc tế, đảm bảo đủ nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên kiểm soát chi phí và các chỉ tiêu tài chính theo đúng quy định.

3.4. Về công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

- Tiếp tục triển khai đúng với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt.

- Tiến hành rà soát, nâng cấp máy móc thiết bị, ưu tiên thực hiện các hạng mục, dự án cấp thiết, nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng chế biến để đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay.

- Triển khai đầu tư khi cần thiết, đảm bảo tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu và mang lại hiệu quả.

- Thực hiện đầu tư đúng trình tự và quy định của pháp luật về đầu tư.

- Thường xuyên kiểm tra và giám sát, đánh giá tình hình khai thác máy móc thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp kịp thời.

- Rà soát công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị không sử dụng đã bị hư hỏng để thanh lý thu hồi vốn kịp thời và hiệu quả.

3.5. Về công tác tổ chức

- Rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ theo quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật doanh nghiệp đặc biệt là trong hoạt động mua bán hàng hóa.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo chủ chốt.

- Sắp xếp lại lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả đáp ứng được nhu cầu công việc, định biên lại nhân sự theo hướng tinh gọn, phù hợp với từng vị trí công việc.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, P.KHKD.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Dương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 51 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

Căn cứ Điều lệ Công ty CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 được lập ngày 18/01/2022 và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC ký ngày 16/02/2022 (Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Bạch Ngọc Văn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Số: 160222.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được lập ngày 18 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH KPMG. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

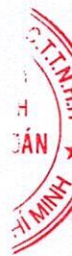
Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		707.273.162.944	678.648.123.885
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	26.300.477.326	112.004.272.579
111	1. Tiền		26.300.477.326	112.004.272.579
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		358.183.126.196	63.456.134.097
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	292.933.692.812	49.735.936.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	50.422.691.643	14.197.818.659
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	15.286.192.425	131.350.025
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(459.450.684)	(608.970.684)
140	IV. Hàng tồn kho	08	288.135.187.139	481.181.273.007
141	1. Hàng tồn kho		327.769.454.052	527.731.857.934
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(39.634.266.913)	(46.550.584.927)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		34.654.372.283	22.006.444.202
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.313.305.230	1.192.734.004
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		33.340.947.053	20.813.590.198
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	120.000	120.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		209.639.457.296	231.853.410.524
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		48.000.000	48.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	48.000.000	48.000.000
220	II. Tài sản cố định		153.073.676.809	175.523.945.213
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	153.073.676.809	175.523.945.213
222	- Nguyên giá		459.616.793.183	456.837.425.295
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(306.543.116.374)	(281.313.480.082)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	1.356.388.307	1.356.388.307
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.356.388.307	1.356.388.307
260	VI. Tài sản dài hạn khác		55.161.392.180	54.925.077.004
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	55.161.392.180	54.925.077.004
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		916.912.620.240	910.501.534.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

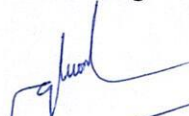
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		646.128.719.474	629.709.180.435
310	I. Nợ ngắn hạn		646.128.719.474	627.802.913.435
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.946.143.585	288.973.626.527
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	82.364.848.172	54.986.474.796
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	743.701.625	1.444.810.756
314	4. Phải trả người lao động		9.600.459.637	11.126.572.565
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.385.930.481	2.465.021.936
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.544.164.692	8.500.817.743
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	530.630.349.740	255.946.728.380
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	-	3.271.179.884
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.913.121.542	1.087.680.848
330	II. Nợ dài hạn		-	1.906.267.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	-	1.906.267.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		270.783.900.766	280.792.353.974
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	270.783.900.766	280.792.353.974
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		254.300.000.000	254.300.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		254.300.000.000	254.300.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.656.581.947	1.402.067.630
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.827.318.819	25.090.286.344
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		-	1.292.809.579
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		13.827.318.819	23.797.476.765
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		916.912.620.240	910.501.534.409

Người lập



Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Điệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc




Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.629.239.043.081	3.565.573.701.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	3.803.400.569	11.377.323.380
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.625.435.642.512	3.554.196.378.618
11	4. Giá vốn hàng bán	23	4.310.955.371.377	3.272.437.876.531
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		314.480.271.135	281.758.502.087
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	30.768.379.242	22.557.823.724
22	7. Chi phí tài chính	25	32.129.046.210	36.431.472.614
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.289.570.879	21.072.983.668
25	8. Chi phí bán hàng	26	267.417.689.310	200.387.691.770
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	28.675.015.442	37.293.588.876
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.026.899.415	30.203.572.551
31	11. Thu nhập khác	28	4.826.163.622	6.454.175.543
32	12. Chi phí khác	29	4.047.274.197	10.504.527.488
40	13. Lợi nhuận khác		778.889.425	(4.050.351.945)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.805.788.840	26.153.220.606
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.978.470.021	2.355.743.841
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.827.318.819</u>	<u>23.797.476.765</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	544	834

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.805.788.840	26.153.220.606
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.188.450.959	26.203.094.383
03	- Các khoản dự phòng		(10.337.017.898)	36.283.028.653
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.921.039.576	277.764.468
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.473.751)	(213.745.847)
06	- Chi phí lãi vay		21.289.570.879	21.072.983.668
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.838.358.605	109.776.345.931
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(306.503.323.697)	324.272.150.032
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		199.962.403.882	(280.960.641.382)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(254.409.605.695)	279.495.545.044
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(356.886.402)	2.830.975.905
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.174.837.798)	(20.872.399.450)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.675.673.538)	(4.835.480.127)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(782.246.000)	(2.178.238.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(332.101.810.643)	407.528.257.953
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.779.367.888)	(5.634.660.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(12.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	13.680.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.473.751	227.825.025
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.749.894.137)	(4.226.834.975)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.503.829.554.439	2.791.475.687.199
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.233.563.559.079)	(3.212.093.663.001)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.106.900.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>249.159.095.360</i>	<i>(420.617.975.802)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(85.692.609.420)	(17.316.552.824)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		112.004.272.579	129.383.424.074
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.185.833)	(62.598.671)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>26.300.477.326</u>	<u>112.004.272.579</u>

Người lập

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần thứ 20 ngày 10 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 254.300.000.000 đồng tương đương với 25.430.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2021 là 254.300.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 280 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 283 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến nông nghiệp; kinh doanh thương mại xăng dầu; chế biến cá com.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh lúa gạo, kinh doanh nông sản, kinh doanh thủy sản, xay xát;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở Công ty);
- Trồng lúa, trồng cây lâu năm khác.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất kinh doanh gạo
Xí nghiệp chế biến cá com Hòn Chông	Tỉnh Kiên Giang	Chế biến cá com
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh xăng dầu
Văn phòng đại diện	Thành phố Hồ Chí Minh	

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Cơ sở để xác định Giá trị thuần có thể thực hiện:

- Đối với trường hợp chưa ký được hợp đồng được ước tính dựa trên giá bán theo Công văn số 2767/LTMN-KDXNK ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần ban hành trừ (-) các chi phí ước tính để bán được hàng/ đơn vị sản phẩm.
- Đối với trường hợp đã ký được hợp đồng và đã xác định được giá bán thì lấy theo giá đã ký kết trừ (-) các chi phí ước tính để bán được hàng/ đơn vị sản phẩm.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 đến 50 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi chậm trả, chi phí làm hàng, chi phí vận chuyển... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.23 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	548.689.500	810.879.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.751.787.826	111.193.393.579
	26.300.477.326	112.004.272.579

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Crop Worthy Ventures Inc	-	-	22.044.495.000	-
- Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thanh Nhân	17.820.000.000	-	-	-
- Louis Dreyfus Asia Pte Ltd	73.124.714.354	-	-	-
- Akila Trading (Pty) Ltd	3.707.585.038	-	-	-
- Sikakroabea Co.Ltd	184.707.768.045	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	-	10.129.171.106	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài	333.560.375	-	5.787.423.180	-
- Wilmar Riceland Trading Pte.Ltd	-	-	3.060.292.811	-
- Ban điều hành Nhà máy điện Kiên Hải	2.286.440.000	-	1.546.220.000	-
- Phải thu các khách hàng khác	10.953.625.000	(199.757.000)	7.168.334.000	(349.277.000)
	292.933.692.812	(199.757.000)	49.735.936.097	(349.277.000)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-	10.129.171.106	-

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Chế biến Lương thực Hương Hạnh	-	-	4.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài	16.020.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến Lương thực Thắng Lợi	15.552.707.984	-	6.490.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thương mại Ngọc Tài	6.520.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất Nhập khẩu Tân Phát	3.090.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Hợp Ngọc	2.020.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Khương Trinh	2.167.500.000	-	-	-
- DNTN Hồng Phượng - (Phạm Thị Thoi)	1.020.000.000	-	1.740.000.000	-
- Trả trước cho các người bán khác	4.032.483.659	(133.343.659)	1.327.818.659	(133.343.659)
	50.422.691.643	(133.343.659)	14.197.818.659	(133.343.659)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	5.880.900.000	-	5.000.000	-
- Phải thu Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ phần do ứng trước tiền Cổ tức năm 2021.	9.278.942.400	-	-	-
- Phải thu khác	126.350.025	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
	15.286.192.425	(126.350.025)	131.350.025	(126.350.025)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	48.000.000	-	48.000.000	-
	48.000.000	-	48.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	9.278.942.400	-	-	-

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI

	31/12/2021			01/01/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng		199.757.000	(199.757.000)	-		413.357.000	(349.277.000)	64.080.000
- Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	Trên 05 năm	129.757.000	(129.757.000)	-	Trên 05 năm	129.757.000	(129.757.000)	-
- Công ty TNHH Tâm Hùng	Trên 05 năm	70.000.000	(70.000.000)	-	Trên 05 năm	70.000.000	(70.000.000)	-
- DNTN Nguyễn Minh Tuấn	Trên 05 năm	-	-	-	Trên 05 năm	213.600.000	(149.520.000)	64.080.000
Trả trước cho người bán		133.343.659	(133.343.659)	-		133.343.659	(133.343.659)	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thiên Nam Dương	Trên 05 năm	17.604.000	(17.604.000)	-	Trên 05 năm	17.604.000	(17.604.000)	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế & Xây dựng Duy Tân	Trên 05 năm	65.739.659	(65.739.659)	-	Trên 05 năm	65.739.659	(65.739.659)	-
- Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	Trên 05 năm	50.000.000	(50.000.000)	-	Trên 05 năm	50.000.000	(50.000.000)	-
Phải thu khác		126.350.025	(126.350.025)	-		126.350.025	(126.350.025)	-
- Công ty TNHH Hoàng Mỹ	Trên 05 năm	51.385.725	(51.385.725)	-	Trên 05 năm	51.385.725	(51.385.725)	-
- DNTN Mê Linh, An Giang	Trên 05 năm	40.808.300	(40.808.300)	-	Trên 05 năm	40.808.300	(40.808.300)	-
- DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	Trên 05 năm	34.156.000	(34.156.000)	-	Trên 05 năm	34.156.000	(34.156.000)	-
		459.450.684	(459.450.684)	-		673.050.684	(608.970.684)	64.080.000



8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.920.545.455	-	4.230.454.545	-
Nguyên liệu, vật liệu	170.358.284.842	(27.381.817.509)	90.622.898.272	(613.291.644)
Công cụ, dụng cụ	1.736.919.655	-	3.501.651.726	-
Thành phẩm	76.952.476.397	(9.746.804.342)	37.601.327.547	(385.968.283)
Hàng hoá	71.801.227.703	(2.505.645.062)	391.775.525.844	(45.551.325.000)
	327.769.454.052	(39.634.266.913)	527.731.857.934	(46.550.584.927)

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm (*)	1.356.388.307	1.356.388.307
	1.356.388.307	1.356.388.307

(*) Bao gồm chi phí mua đất và các chi phí khác của công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp cá Cơm. Dự án này hiện nay đang tạm ngưng thực hiện. Đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty vẫn chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	224.296.080.978	155.688.533.580	74.452.674.001	884.344.630	1.515.792.106	456.837.425.295
- Mua trong năm	164.867.888	2.073.500.000	541.000.000	-	-	2.779.367.888
Số dư cuối năm	224.460.948.866	157.762.033.580	74.993.674.001	884.344.630	1.515.792.106	459.616.793.183
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	132.042.411.830	92.168.980.186	55.093.106.359	652.833.638	1.356.148.069	281.313.480.082
- Khấu hao trong năm	10.535.344.338	9.798.451.535	4.680.433.950	104.414.675	110.991.794	25.229.636.292
Số dư cuối năm	142.577.756.168	101.967.431.721	59.773.540.309	757.248.313	1.467.139.863	306.543.116.374
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	92.253.669.148	63.519.553.394	19.359.567.642	231.510.992	159.644.037	175.523.945.213
Tại ngày cuối năm	81.883.192.698	55.794.601.859	15.220.133.692	127.096.317	48.652.243	153.073.676.809

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 106.988.426.265 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 70.058.046.356 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 11.090.877.760 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	298.667.411	401.809.894
- Chi phí sửa chữa tài sản	360.455.838	88.567.418
- Chi phí bảo hiểm	129.535.708	139.484.609
- Chi phí bốc xếp, đồ học, gia công hàng chờ xuất	385.565.661	308.424.417
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	139.080.612	254.447.666
	1.313.305.230	1.192.734.004
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	527.957.908	698.596.858
- Chi phí sửa chữa tài sản	5.316.967.110	3.590.320.763
- Chi phí bảo hiểm	138.878.483	189.200.608
- Tiền thuê đất trả trước (*)	49.177.588.679	50.429.083.775
- Các chi phí khác	-	17.875.000
	55.161.392.180	54.925.077.004

(*) Giá trị còn lại của các lô đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất, nay được chuyển sang đất thuê với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoảng thời gian thuê còn lại. Tổng giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại ngày 31/12/2021 là 47.505.826.184 đồng (trong đó bao gồm giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê bổ sung thế chấp trong kỳ này là 13.162.613.927 đồng), tại ngày 01/01/2021 là 35.278.167.249 đồng. (Xem thêm thuyết minh số 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	252.134.628.880	252.134.628.880	3.506.474.847.439	3.229.885.393.579	528.724.082.740	528.724.082.740
- Vay dài hạn đến hạn trả	3.812.099.500	3.812.099.500	1.906.267.000	3.812.099.500	1.906.267.000	1.906.267.000
	255.946.728.380	255.946.728.380	3.508.381.114.439	3.233.697.493.079	530.630.349.740	530.630.349.740
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	5.718.366.500	5.718.366.500	-	3.812.099.500	1.906.267.000	1.906.267.000
	5.718.366.500	5.718.366.500	-	3.812.099.500	1.906.267.000	1.906.267.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.812.099.500)	(3.812.099.500)	(1.906.267.000)	(3.812.099.500)	(1.906.267.000)	(1.906.267.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.906.267.000	1.906.267.000			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . CÁC KHOẢN VAY

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:							
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang				104.286.847.350		52.737.559.280	
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0039/20/HĐK-KIGIMEX ngày 24/06/2020	5,5%/năm đến 6,3%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.		-	29.081.474.280	
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0039/20/HĐK-KIGIMEX ngày 24/06/2020	3,4%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Phục vụ cho sản xuất kinh doanh gạo.	-	-	1.019.000,00	23.656.085.000
- Hợp đồng cấp tín dụng số 0010/21/HĐK-KIGIMEX ngày 05/04/2021	5,5%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu.		55.558.927.350		
- Hợp đồng cấp tín dụng số 0010/21/HĐK-KIGIMEX ngày 05/04/2021	3,0%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Phục vụ cho sản xuất kinh doanh gạo.	2.126.000,00	48.727.920.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . CÁC KHOẢN VAY

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: (Tiếp theo)							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc					253.827.855.390		199.397.069.600
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/679501/HĐTD ngày 15/06/2020	3,98%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.	-	-	6.866.000,00	159.222.540.000
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/679501/HĐTD ngày 15/06/2020	4,5%/năm đến 5,0%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.				40.174.529.600
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/679501/HĐTD ngày 07/06/2021	4,5%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.		89.334.055.390		
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/679501/HĐTD ngày 07/06/2021	3,5%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh.	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu theo bộ chứng từ hàng xuất khẩu.	7.180.000,00	164.493.800.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Kiên Giang					58.148.040.000		-
- Hợp đồng tín dụng số 142/2021/HDTD/KGG/01 ngày 03/08/2021	3,3%/năm	Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ tương lai/ đang hình thành/ đã hình thành từ hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng ủy thác xuất khẩu/ cung ứng gạo.	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hoặc thu mua tạm trữ lúa, gạo, tấm các loại.	2.537.000,00	58.148.040.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . CÁC KHOẢN VAY

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn							
- Hợp đồng tín dụng số LAV210067209/1401 ngày 27/09/2021	2,9%/năm	Khoản vay được bảo đảm bằng công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị tại kho chứa lương thực Sơn Thuận - Hòn Đất.	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.	2.304.000,00	52.692.480.000	-	-
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: (Tiếp theo)							
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Hồ Chí Minh							
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 587/2021/HĐTD-KGM ngày 24/9/2021	3,1%/năm	Cấp tín dụng không tài sản đảm bảo theo chính sách tín dụng của MSB	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho: hoạt động sản xuất gạo, thu mua lúa gạo sản xuất trong nước.	1.770.000,00	40.603.800.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh							
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35551/20MN/HĐTD ngày 28/12/2020	3,5%/năm	Thế chấp tài sản là các hợp đồng xuất khẩu ủy thác có phương thức thanh toán L/C, D/P	Tài trợ xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P, T/T phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo	838.000,00	19.165.060.000	-	-
				528.724.082.740		252.134.628.880	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . CÁC KHOẢN VAY

(Tiếp theo)

	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				Thời gian đáo hạn	VND	Thời gian đáo hạn	VND
b) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc					1.906.267.000		5.718.366.500
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/679501 ngày 31/01/2018	11%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán xe Bồn chở xăng dầu		-	Năm 2021	79.000.000
- Hợp đồng tín dụng số 03/2018/679501 ngày 31/08/2018	11%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán lắp đặt băng tải hạt và cân đóng túi của Xí nghiệp Vĩnh Thắng và Xí nghiệp Tân Phú		-	Năm 2021	1.023.299.500
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/679501/HĐTD ngày 16/04/2019	10,8%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán Tàu chở Xăng dầu 61,7m3 và máy tách màu Xí nghiệp An Hòa và Xí nghiệp Sơn Thuận	Năm 2022	541.467.000	Năm 2022	1.621.467.000
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/679501/HĐTD ngày 16/01/2020	10,8%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán một phần thi công hệ thống băng tải Xí nghiệp Sơn Thuận	Năm 2023	292.250.000	Năm 2023	834.050.000
- Hợp đồng tín dụng số 02/2020/679501/HĐTD ngày 10/12/2020	10,5%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: hệ thống và thiết bị của khách hàng.	Thanh toán một phần đầu tư máy tách màu, thiết bị phụ trợ, hệ thống cân túi tại Xí nghiệp Thạnh Hưng	Năm 2023	1.072.550.000	Năm 2023	2.160.550.000
					1.906.267.000		5.718.366.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(1.906.267.000)		(3.812.099.500)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					-		1.906.267.000

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Đại Tài	-	-	157.550.388.480	157.550.388.480
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Hiếu Nhân	3.767.010.375	3.767.010.375	127.710.000.000	127.710.000.000
- Công ty TNHH MTV Tâm Lang	825.800.000	825.800.000	1.250.000.000	1.250.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ DTC	875.000.000	875.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang	815.782.000	815.782.000	560.700.000	560.700.000
- Phải trả các đối tượng khác	2.662.551.210	2.662.551.210	1.902.538.047	1.902.538.047
	8.946.143.585	8.946.143.585	288.973.626.527	288.973.626.527

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Perissos Vitoria Unipessoal Lda	25.794.275.742	10.522.915.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Phước	16.100.000.000	33.000.000.000
- Fullway Resources Inc	-	3.189.659.200
- Syarikat Pelangi Tinggi	30.939.382.500	2.987.320.000
- Rbs universal Grains Trades Corporation	2.974.600.000	-
- Mindanao Agriplus Corp	-	2.486.016.000
- Soda	4.728.704.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.827.885.930	2.800.564.596
	82.364.848.172	54.986.474.796

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	120.000	-	261.547.703	261.547.703	120.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.425.573.359	3.978.470.021	4.675.673.538	-	728.369.842
- Thuế thu nhập cá nhân	-	19.237.397	360.983.774	364.889.388	-	15.331.783
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	212.506.168	212.506.168	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	13.000.000	-	-
	120.000	1.444.810.756	4.826.507.666	5.527.616.797	120.000	743.701.625

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Trích trước lãi vay phải trả	315.317.299	200.584.218
- Trích trước lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	-	1.868.209.726
- Trích trước các khoản chi phí làm hàng	1.620.562.280	-
- Trích trước chi phí vận chuyển	56.841.600	-
- Trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	4.357.412
- Trích trước các khoản chi phí phải trả khác	393.209.302	391.870.580
	2.385.930.481	2.465.021.936

17 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	87.886.371	88.258.596
- Bảo hiểm xã hội	-	34.280.826
- Phải trả tiền lãi trả chậm nộp tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	7.902.592.072	7.902.592.072
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	553.686.249	475.686.249
	8.544.164.692	8.500.817.743
	7.902.592.072	7.902.592.072

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan
 Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự phòng quỹ tiền lương phải trả	-	3.271.179.884
	-	3.271.179.884

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	254.300.000.000	1.402.067.630	1.292.809.579	256.994.877.209
Lãi trong năm trước	-	-	23.797.476.765	23.797.476.765
Số dư tại ngày 31/12/2020	254.300.000.000	1.402.067.630	25.090.286.344	280.792.353.974
Số dư tại ngày 01/01/2021	254.300.000.000	1.402.067.630	25.090.286.344	280.792.353.974
Lãi trong năm nay	-	-	13.827.318.819	13.827.318.819
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	1.254.514.317	(1.254.514.317)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(21.106.900.000)	(21.106.900.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(2.509.028.643)	(2.509.028.643)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	(119.843.384)	(119.843.384)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (*)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	254.300.000.000	2.656.581.947	13.827.318.819	270.783.900.766

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 50/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	100,00	25.090.286.344
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00	1.254.514.317
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	2.509.028.643
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	0,48	119.843.384
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	0,40	100.000.000
Chi trả cổ tức 8,3%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 830 đồng)	84,12	21.106.900.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	83,31	211.848.000.000	83,31	211.848.000.000
- Các Cổ đông khác	16,69	42.452.000.000	16,69	42.452.000.000
	100	254.300.000.000	100	254.300.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	254.300.000.000	254.300.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	21.106.900.000	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	21.106.900.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(21.106.900.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước</i>	(21.106.900.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.430.000	25.430.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

f) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.656.581.947	1.402.067.630
	2.656.581.947	1.402.067.630

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê cửa hàng xăng dầu theo hợp đồng thuê hoạt động số 25/HĐTCH/2018 ngày 31/05/2018. Theo hợp đồng này, công ty đã trả trước toàn bộ tiền thuê cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các chi nhánh để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa 50 năm. Bao gồm:

- Diện tích đất thuê 230.726,8 m² đã được công ty trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng.
- Diện tích đất thuê 69.168,6 m² được công ty trả tiền thuê hằng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	541.862,78	3.398.283,10
- Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	205,74	237,93

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935
- Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000
- Trần Thanh Đỉnh – Xí nghiệp An Hòa	166.982.720	166.982.720
- Trần Quốc Đoan	168.738.419	168.738.419
- Doanh nghiệp tư nhân Thành Phước	229.845.000	229.845.000
- Trung tâm tư vấn DVXD Kiên Lương	15.000.000	15.000.000
- Kuo Corpunipessoal Ltd- Dili- Timor Leste	4.482.637.600	4.482.637.600
- Kuo Corp - Phí tòa án Xi măng	285.485.437	285.485.437
- Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000
- Chi nhánh DNTN Mỹ Lệ	17.900.000	17.900.000
- Các đối tượng khác	198.112.609	198.112.609
	6.226.462.720	6.226.462.720

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng này không còn tài sản để thu hồi.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.627.588.665.168	3.565.178.684.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.401.448.591	104.504.400
Doanh thu khác	248.929.322	290.512.900
	4.629.239.043.081	3.565.573.701.998

Trong đó: Doanh thu phát sinh với các bên liên quan

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

	3.973.860.720	192.300.316.569
--	---------------	-----------------

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	3.803.400.569	11.377.323.380
	3.803.400.569	11.377.323.380

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	4.315.473.449.397	3.237.354.470.268
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.398.239.994	2.044.277.494
(Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	(6.916.318.014)	33.039.128.769
	4.310.955.371.377	3.272.437.876.531
	16.295.273.000	725.713.701.161

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.473.751	213.745.847
Lãi bán hàng trả chậm	-	516.935.306
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.738.905.491	21.827.142.571
	30.768.379.242	22.557.823.724

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.289.570.879	21.072.983.668
Lãi trả chậm nộp tiền cổ phần hóa	-	110.264.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.852.122.378	14.632.437.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.921.039.576	277.764.468
Chi phí tài chính khác	66.313.377	338.022.548
	32.129.046.210	36.431.472.614

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	147.438.788.367	138.277.711.417
Chi phí nhân công	1.416.461.927	1.799.160.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	939.069.868	1.013.292.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.344.999.050	56.599.172.706
Chi phí khác bằng tiền	3.278.370.098	2.698.354.166
	267.417.689.310	200.387.691.770
	23.731.360	558.983.138

Trong đó: Chi phí bán hàng phát sinh với các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ quản lý	1.534.141.046	1.348.843.375
Chi phí nhân công	14.327.474.720	14.133.243.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.521.197.653	1.713.793.717
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(3.420.699.884)	3.243.899.884
- Hoàn nhập dự phòng Nợ khó đòi	(149.520.000)	-
- Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	(3.271.179.884)	3.243.899.884
Thuế, phí, lệ phí	59.675.858	55.749.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.337.826.238	5.292.311.592
Chi phí khác bằng tiền	10.315.399.811	11.505.747.521
	28.675.015.442	37.293.588.876

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ giải phóng tàu nhanh	344.700.000	437.083.312
Thu nhập do được miễn giảm tiền phạt tàu (Hợp đồng AT2010 và AT1999)	-	2.082.423.523
Thu nhập do được miễn giảm khoản lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	1.868.209.726	-
Lãi bán hàng phải thu doanh nghiệp ngoài	2.290.736.452	-
Thu nhập từ bồi thường do hủy hợp đồng	-	3.586.672.000
Thu nhập từ bán bao phế	249.659.454	99.940.909
Thu nhập khác	72.857.990	248.055.799
	4.826.163.622	6.454.175.543

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí phạt do giải phóng tàu chậm	-	671.925.000
Chi phí tổn thất hàng thực tế (Hợp đồng AT2010 và AT1999)	-	1.437.427.138
Lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	2.688.447.567	8.382.482.709
Chi phí phạt giao hàng chậm	1.335.714.141	-
Chi phí khác	23.112.489	12.692.641
	4.047.274.197	10.504.527.488
Trong đó: Chi phí khác phát sinh với các bên liên quan		
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.</i>	-	6.057.706.863

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.805.788.840	26.153.220.606
Các khoản điều chỉnh tăng	2.865.179.097	492.708.545
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	459.417.811	492.708.545
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020	2.217.462.877	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	188.298.409	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(778.617.833)	(14.867.209.945)
- Điều chỉnh Chi phí lãi vay xác định lại theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020	-	(14.867.209.945)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(778.617.833)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	19.892.350.104	11.778.719.206
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.978.470.021	2.355.743.841
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.425.573.359	3.905.309.645
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.675.673.538)	(3.905.309.645)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	728.369.842	2.355.743.841

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.827.318.819	23.797.476.765
Các khoản điều chỉnh	-	(2.588.263.353)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(2.493.415.983)
- <i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(94.847.370)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.827.318.819	21.209.213.412
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	544	834

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2021 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 quyết nghị thông qua.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 50/NQ-XXNK-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST tương đương 0,97 tháng lương người lao động) và Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (0,48% LNST tương đương 0,7 tháng lương người quản lý), dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, cụ thể như sau:

	Năm 2020	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.797.476.765	23.797.476.765
Các khoản điều chỉnh	-	(2.588.263.353)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(2.493.415.983)
- <i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(94.847.370)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.797.476.765	21.209.213.412
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	936	834

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.486.629.800.638	1.480.144.510.728
Chi phí nhân công	27.643.609.197	32.603.039.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.188.450.959	26.203.094.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.690.261.175	71.320.774.435
Chi phí khác bằng tiền	14.496.638.387	15.681.579.972
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(3.420.699.884)	3.243.899.884
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	1.678.228.060.472	1.629.196.898.450
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	2.975.087.482.521	1.837.415.884.183
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	4.653.315.542.993	3.466.612.782.633

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.300.477.326	-	-	26.300.477.326
Phải thu khách hàng, phải thu khác	307.893.778.212	48.000.000	-	307.941.778.212
	334.194.255.538	48.000.000	-	334.242.255.538
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.004.272.579	-	-	112.004.272.579
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.391.659.097	48.000.000	-	49.439.659.097
	161.395.931.676	48.000.000	-	161.443.931.676

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	530.630.349.740	-	-	530.630.349.740
Phải trả người bán, phải trả khác	17.490.308.277	-	-	17.490.308.277
Chi phí phải trả	2.385.930.481	-	-	2.385.930.481
	550.506.588.498	-	-	550.506.588.498
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	255.946.728.380	1.906.267.000	-	257.852.995.380
Phải trả người bán, phải trả khác	297.474.444.270	-	-	297.474.444.270
Chi phí phải trả	2.465.021.936	-	-	2.465.021.936
	555.886.194.586	1.906.267.000	-	557.792.461.586

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh Lương thực VND	Kinh doanh Xăng dầu VND	Kinh doanh Cá cơm VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.301.796.035.854	293.037.421.508	30.602.185.150	4.625.435.642.512
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	292.094.773.797	17.877.901.298	4.507.596.040	314.480.271.135
Chi phí thuần của bộ phận	280.317.815.985	13.831.857.479	3.303.698.256	297.453.371.720
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	11.776.957.812	4.046.043.819	1.203.897.784	17.026.899.415
Khấu hao tài sản cố định trong kỳ	22.281.643.809	1.934.296.451	972.510.699	25.188.450.959
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.779.367.888	-	-	2.779.367.888
Tài sản bộ phận	718.769.860.685	49.605.743.918	14.745.134.630	783.120.739.233
Tài sản không phân bổ				133.791.881.007
Tổng tài sản	718.769.860.685	49.605.743.918	14.745.134.630	916.912.620.240
Nợ phải trả của các bộ phận	566.171.446.494	56.399.128.846	-	622.570.575.340
Nợ phải trả không phân bổ				23.558.144.134
Tổng nợ phải trả	566.171.446.494	56.399.128.846	-	646.128.719.474

b) Theo khu vực địa lý:

	Xuất khẩu VND	Nội địa VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.383.455.140.843	1.241.980.501.669	4.625.435.642.512
Tài sản bộ phận	672.538.758.106	244.373.862.134	916.912.620.240
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	2.779.367.888	2.779.367.888

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	Doanh nghiệp do cổ đông lớn Công ty là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định - Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Hòa Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần tại Thốt Nốt	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Sông Hậu	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	149.733.771.500
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	149.733.771.500
Nhận phí ủy thác	-	104.504.400
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	104.504.400
Bán hàng ủy thác	3.973.860.720	42.462.040.669
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	42.462.040.669
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	3.973.860.720	-
Mua hàng	16.295.273.000	712.815.205.161
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	635.328.235.161
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần tại Thốt Nốt	-	11.548.300.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định - Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Hòa Bình	-	10.950.000.000
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	16.260.974.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	-	6.704.370.000
- Công ty Lương thực Sông Hậu	-	28.071.000.000
- Công ty Lương thực Trà Vinh	34.299.000	-
- Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	-	2.200.000.000
- Công ty Lương thực Long An	-	11.900.000.000
- Công ty Lương thực Bạc Liêu	-	6.113.300.000
Nhận hàng ủy thác	-	12.898.496.000
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	12.898.496.000
Phí giao nhận, Phí ủy thác, Phí làm hàng	23.731.360	558.983.138
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	26.443.403
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	23.731.360	532.539.735
Lãi phải trả do chậm thanh toán	-	6.057.706.863
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	6.057.706.863

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	10.129.171.106
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất - Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	10.129.171.106
Phải thu khác ngắn hạn	9.278.942.400	-
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	9.278.942.400	-
Phải trả khác ngắn hạn	7.902.592.072	7.902.592.072
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	7.902.592.072	7.902.592.072

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	
		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
- Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	507.200.000	442.300.000
- Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên Hội đồng quản trị	89.000.000	90.000.000
- Ông Phan Hùng Minh	Thành viên Hội đồng quản trị	89.000.000	75.000.000
- Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)	28.000.000	60.000.000
- Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc Công ty	595.400.000	501.400.000
- Ông Phạm Minh Trung	Thành viên Hội đồng quản trị (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021) Phó Tổng Giám đốc Công ty	427.900.000	322.600.000
- Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	367.700.000	322.600.000
- Ông Nguyễn Trường Giang	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021)	32.000.000	-
- Bà Vũ Thị Minh Hiền	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm ngày 29/04/2021)	32.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Sơn	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)	16.000.000	36.000.000
- Bà Nguyễn Thị Phụng	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2021)	16.000.000	36.000.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

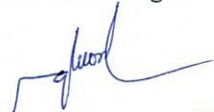
Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH KPMG kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Điệp

Tp. Rạch Giá, ngày 18 tháng 01 năm 2022



Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 52 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
1.	Mua vào		
-	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
-	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1.120
-	Xăng dầu	Triệu lít	20
2.	Bán ra		
-	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
-	Cá cơm (thành phẩm)	Tấn	280
-	Xăng dầu	Triệu lít	20
3.	Doanh thu	Tỷ đồng	3.450
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,9

II. Kế hoạch đầu tư năm 2022

STT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Công ty & Quỹ ĐTPT	
I.	Kế hoạch chuyển tiếp năm 2021	6.000	4.200	1.800	
1.	Đầu tư tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	4.500	3.150	1.350	
2.	Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên	1.500	1.050	450	
II.	Kế hoạch đầu tư năm 2022	8.770	5.754	3.016	<i>Giá trị đầu tư theo kế hoạch này chưa bao gồm thuế, phí theo quy định</i>
1.	Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng	300	210	90	
2.	Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận	3.200	2.170	1.030	
3.	Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú	2.800	1.890	910	
4.	Xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng	1.200	840	360	
5.	Xí nghiệp CBLT XK An Hòa	220	154	66	
6.	Xí nghiệp KD xăng dầu An Bình	700	490	210	
7.	Xí nghiệp Cá Cơm Hòn Chông	350		350	
	Tổng cộng	14.770	9.954	4.816	

(Đính kèm danh mục các hạng mục đầu tư của từng Xí nghiệp)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Bạch Ngọc Văn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MUA SẮM NĂM 2022

(Đính kèm Tờ trình Số 52 /TTr -XNK-HĐQT, ngày 30 tháng 3 năm 2022 của HĐQT về kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2022)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kế hoạch năm 2022			Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Cty & Quỹ ĐTPT	
A	KẾ HOẠCH CHUYÊN TIẾP 2021		6.000	4.200	1.800	
I	Xí nghiệp Cá Cơm Hòn Chông	K.Luong	4.500	3.150	1.350	
1	Đầu tư tàu thu mua cá cơm (tàu đã qua sử dụng)		4.500	3.150	1.350	
II	Xí nghiệp KD xăng dầu An Bình	Rạch Giá	1.500	1.050	450	
1	Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên		1.500	1.050	450	
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2022		8.770	5.754	3.016	
I	Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng	Gò Quao	300	210	90	
1	Đầu tư băng tải ngang nhập xuất hàng (03 cây 08m + 01 cây 06m)		300	210	90	
II	Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận	Hòn Đất	3.200	2.170	1.030	
1	Đầu tư 01 máy tách màu công suất 10-14 tấn/giờ + Máy nén khí		2.000	1.400	600	
2	Hệ thống phụ trợ máy tách màu		700	490	210	
3	Hệ thống điện máy tách màu		100		100	
4	Hệ thống băng tải bao nhập hàng kho lúa		400	280	120	
III	Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú	Tân Hiệp	2.800	1.890	910	
1	Đầu tư 01 máy tách màu công suất 10-14 tấn/giờ + Máy nén khí		2.000	1.400	600	
2	Hệ thống phụ trợ máy tách màu		700	490	210	
3	Hệ thống điện máy tách màu		100		100	
IV	Xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng	G. Riêng	1.200	840	360	
1	Hệ thống băng tải xuất nhập vượt lộ		1.200	840	360	
V	Xí nghiệp CBLT XK An Hòa	Rạch Giá	220	154	66	
1	Mua mới xe tải 750kg cho Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao		220	154	66	
VI	Xí nghiệp KD xăng dầu An Bình	Rạch Giá	700	490	210	
1	Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn		700	490	210	
VII	Xí nghiệp Cá Cơm Hòn Chông	K. Luong	350	-	350	
1	Vĩ phoi giai đoạn 2 (dự kiến 10.000 cái)		350		350	
	TỔNG CỘNG A + B		14.770	9.954	4.816	

** Ghi chú: Giá trị đầu tư theo kế hoạch này chưa bao gồm thuế, phí theo quy định.*



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 53 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		17.805.788.840
2.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		3.978.470.021
3.	Lợi nhuận kế toán sau thuế phân phối	100%	13.827.318.819
	- Quỹ thưởng người quản lý (01% LN sau thuế)	01%	138.273.188
	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	10%	1.382.731.882
	- Quỹ khen thưởng (04% LN sau thuế)	04%	553.092.753
	- Quỹ phúc lợi (3,72% LN sau thuế)	3,72%	514.880.996
	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (0,72% LN sau thuế)	0,73%	100.000.000
	- Cổ tức cổ đông được chia là 4,38%/vốn điều lệ Công ty tương đương 438 đồng/cổ phần	80,55%	11.138.340.000

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		10.900.000.000
2.	Thuế TNDN năm 2022 (20% Thu nhập chịu thuế)		2.180.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN phân phối	100%	8.720.000.000
	- Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (01% LNST)	01%	87.200.000
	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	10%	872.000.000
	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	436.000.000
	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	436.000.000
	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	1,15%	100.000.000
4.	Cổ tức cổ đông tương đương 2,67%/Vốn điều lệ	77,85%	6.788.800.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 54 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2022 như sau:

1. Quỹ tiền lương thực hiện người quản lý chuyên trách và thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2021

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách (05 người): 1.710 triệu đồng.

1.2. Thù lao HĐQT, BKS, thư ký là 480 triệu đồng, cụ thể:

- Thành viên HĐQT (04 người) : 7 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

2. Kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý và thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý và thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2022 như sau:

2.1 Kế hoạch quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách (06 người): 2.052 triệu đồng, gồm:

a. Hội đồng quản trị (Trong đó: 01 thành viên chuyên trách): 432 triệu đồng.

b. Ban kiểm soát (Trong đó: 01 thành viên chuyên trách) : 312 triệu đồng.

c. Ban điều hành (Tổng giám đốc; 02 Phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng Công ty) 1.308 triệu đồng. Mức tiền lương cụ thể của từng thành viên ban điều hành do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

2.2. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, thư ký là 480 triệu đồng, cụ thể:

a. Thành viên HĐQT (04 người) : 7 triệu đồng/người/tháng

b. Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

c. Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 04 /TTr-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang (sau đây viết tắt là Công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Về các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các công ty đại chúng.

- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC)

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang yêu cầu.

Với các tiêu chí trên Ban kiểm soát đề xuất 04 Công ty Kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn Công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2022 cho công ty như sau:

- (i) Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- (ii) Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- (ii) Công ty TNHH kiểm toán KPMG Việt Nam;
- (iii) Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

2. Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xuất nhập Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chấp thuận cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán trên để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang. Đồng thời Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)

Trần Thị Mai Trinh

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 22/4/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được tổ chức vào ngày 22/4/2022, với sự tham gia của Cổ đông và đại diện Cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho Cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: Cổ phần, chiếm% số CP có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không tán thành: ... Cổ phần, chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không có ý kiến: ... Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: Cổ phần, chiếm% số CP có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không tán thành: ... Cổ phần, chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự*

họp.

- Không có ý kiến: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: Cổ phần, chiếm ...% số CP có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: Cổ phần, chiếm ...% số CP có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
1.	Mua vào		
-	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
-	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1.120
-	Xăng dầu	Triệu lít	20
2.	Bán ra		
-	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
-	Cá cơm	Tấn	280
-	Xăng dầu	Triệu lít	20
3.	Doanh thu	Tỷ đồng	3.450
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,9

2. Kế hoạch đầu tư

STT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Công ty & Quỹ ĐTPT	
I.	Kế hoạch chuyển tiếp năm 2021	6.000	4.200	1.800	
1.	Đầu tư tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	4.500	3.150	1.350	
2.	Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên	1.500	1.050	450	
II.	Kế hoạch đầu tư năm 2022	8.770	5.754	3.016	
1.	Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng	300	210	90	
2.	Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận	3.200	2.170	1.030	
3.	Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú	2.800	1.890	910	
4.	Xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng	1.200	840	360	
5.	Xí nghiệp CBLT XK An Hòa	220	154	66	
6.	Xí nghiệp KD xăng dầu An Bình	700	490	210	
7.	Xí nghiệp Cá Cơm Hòn Chông	350		350	
	Tổng cộng	14.770	9.954	4.816	

(Giá trị đầu tư trên chưa bao gồm thuế, phí theo quy định)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành:Cổ phần, chiếm% số CP có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành:... Cổ phần, chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: ... Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		17.805.788.840
2.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		3.978.470.021
3.	Lợi nhuận kế toán sau thuế phân phối	100%	13.827.318.819
	- Quỹ thưởng người quản lý (01% LN sau thuế)	01%	138.273.188
	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	10%	1.382.731.882
	- Quỹ khen thưởng (04% LN sau thuế)	04%	553.092.753
	- Quỹ phúc lợi (3,72% LN sau thuế)	3,72%	514.880.996
	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (0,72% LN sau thuế)	0,73%	100.000.000
	- Cổ tức cổ đông được chia là 4,38%/vốn điều lệ Công ty tương đương 438 đồng/cổ phần	80,55%	11.138.340.000

2. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		10.900.000.000
2.	Thuế TNDN năm 2022 (20% Thu nhập chịu thuế)		2.180.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN phân phối	100%	8.720.000.000
	- Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (01% LNST)	01%	87.200.000
	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LN sau thuế)	10%	872.000.000
	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	436.000.000
	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	436.000.000
	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	1,15%	100.000.000
4.	Cổ tức cổ đông tương đương 2,67%/Vốn điều lệ	77,85%	6.788.800.000

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: Cổ phần, chiếm% số CP có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không tán thành: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không có ý kiến: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 7: Thông qua Tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022.

1. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý và thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2021:

- a) Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách (05 người): 1.710 triệu đồng.
- b) Thù lao HĐQT, BKS, thư ký là 480 triệu đồng, cụ thể:
 - Thành viên HĐQT (04 người) : 7 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng
 - Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

2. Thông qua kế hoạch quỹ tiền lương Người quản lý và thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2022, cụ thể:

- a) Kế hoạch quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách (06 người): 2.052 triệu đồng.
- b) Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, thư ký là 480 triệu đồng, cụ thể:
 - Thành viên HĐQT (04 người) : 7 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng
 - Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: Cổ phần, chiếm% số CP có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không tán thành: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không có ý kiến: ...Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 8: Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

1. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH kiểm toán KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

2. Thống nhất chấp thuận cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán trên để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang. Đồng thời Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của Pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành:Cổ phần, chiếm ... % số CP có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không tán thành: ... Cổ phần, chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*
- *Không có ý kiến: ... Cổ phần, chiếm...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 9. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Kigimex;
- Tổng công ty LTMN;
- HĐQT, BKS, BTGD Công ty;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(Tài liệu ĐHĐCĐ 2022).